

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ- PT
Ngày 18/01//2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Lan Phương

Các Thẩm phán :

Ông Lê Thanh Hùng

Bà Lê Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Bà Thiều Thị Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2017/TLPT- HNGĐ ngày 14/11/2017 Về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 04/2017/HNGĐ-ST ngày 12/10/2017 của TAND huyện Mường Lát bị kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2017/QĐ-PT ngày 06/12/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị T – sinh năm 1983

Địa chỉ: Đường L, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh D – sinh năm 1981

Địa chỉ: Trường Trung học cơ sở xã Q, huyện M, tỉnh Thanh Hóa

3. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa các bên đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm, nguyên đơn chị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh D được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục, tập quán địa phương vào năm 2006 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D không quan tâm và thiếu trách nhiệm với gia đình, đến năm 2013 vợ chồng sống ly thân, anh D chuyển công tác lên huyện M mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Nay chị xét thấy tình cảm

vợ chồng giữa chị và anh D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh D không thể kéo dài cuộc sống chung, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị T và anh D có hai con chung là cháu H, sinh ngày 01/9/2006 và cháu A, sinh ngày 26/9/2010, hiện nay hai cháu đang do chị nuôi dưỡng chăm sóc tại thành phố T, khi ly hôn nguyện vọng của chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận giữa chị và anh D, mỗi tháng anh D cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000đ.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn anh D trình bày:

Về hôn nhân: Anh đồng ý với trình bày của chị T, anh chị sống chung với nhau có tổ chức cưới theo phong tục địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn, nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý chấm dứt quan hệ vợ chồng với chị T.

Về con chung: Anh thống nhất như chị T trình bày, khi ly hôn nguyện vọng của anh để cả hai con chung cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000đ.

Về tài sản và công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai các cháu H và A trình bày: Nếu bố, mẹ phải ly hôn nguyện vọng của các cháu được ở với mẹ.

Bản án số: 04/2017/HNGĐ-ST ngày 12/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát đã căn cứ khoản 1 khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 212, Điều 253 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 9, khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 58, khoản 2 Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

Về hôn nhân: Không công nhận chị T và anh D là vợ chồng.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao các cháu H, sinh ngày 01/9/2006 và cháu A, sinh ngày 26/9/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành, anh D có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở, ngăn cấm. Anh D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000đ, hình thức đóng góp: hàng tháng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền thi hành án theo luật Thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 15/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án sơ thẩm với nội dung: Kháng nghị một phần Bản án số

04/2017/HNGĐ-ST ngày 12/10/2017 của TAND huyện Mường Lát về phần nội dung, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm để sửa án sơ thẩm theo hướng: Quyết định thời gian bắt đầu và kết thúc việc cấp dưỡng của anh D và mức cấp dưỡng cụ thể của mỗi cháu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 15/QĐKNPT-VKS-DS và phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, sửa bản án sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày tranh luận của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

[1] Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 15/QĐKNPT-VKS-DS ngày 30/10/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa kháng nghị phần cấp dưỡng nuôi con chung với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T mỗi tháng 4.000.000đ, nhưng không quy định rõ anh D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung kể từ ngày, tháng, năm nào và thời điểm kết thúc là vi phạm Điều 147, 148 và khoản 1 Điều 278 Bộ luật dân sự năm 2015, làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của chị T và hai cháu. Cấp sơ thẩm không tuyên cụ thể mỗi con chung bao nhiêu là ảnh hưởng đến quyền lợi của các con và khó khăn cho công tác thi hành án, vì cháu H và cháu A có thời gian kết thúc cấp dưỡng khác nhau.

[2] Chị T và anh D được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục, tập quán địa phương vào năm 2006 nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, chị T và anh D có hai con chung là cháu H, sinh ngày 01/9/2006 và cháu A, sinh ngày 26/9/2010, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 12/10/2017 chị T và anh D có biên bản thỏa thuận: Giao cả hai con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000đ, hình thức đóng góp hàng tháng.

Bản án sơ thẩm đã quyết định: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao các cháu H, sinh ngày 01/9/2006 và cháu A, sinh ngày 26/9/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành, anh D có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở, ngăn cấm. Anh D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000đ, hình thức đóng góp: hàng tháng.

[3] Việc cấp sơ thẩm tuyên anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000đ, nhưng không tuyên cụ thể anh D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ thời điểm nào và đến thời điểm nào là kết thúc là vi phạm Điều

147 và Điều 148 Bộ luật dân sự năm 2015 về thời điểm bắt đầu và kết thúc thời hạn. Cháu H, sinh ngày 01/9/2006 và cháu A, sinh ngày 26/9/2010, không cùng ngày, tháng, năm sinh nên có thời gian kết thúc cấp dưỡng của các cháu khác nhau, cấp sơ thẩm không tuyên cụ thể mức cấp dưỡng cho mỗi cháu bao nhiêu là gây khó khăn cho công tác thi hành án. Do vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 107, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

[1] Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, sửa bản án sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con chung:

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị T và anh D: giao các cháu H, sinh ngày 01/9/2006 và cháu A, sinh ngày 26/9/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Mức cấp dưỡng mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng (hai cháu là 4.000.000đ/tháng) kể từ tháng 10 năm 2017 cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Lan Phương